

Số: **4185** /TTr-BNN-CB

Hà Nội, ngày **24** tháng **5** năm 2016

TỜ TRÌNH
Về mua tạm trữ muối niên vụ 2016

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

~~Hiện nay~~, tại khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ do thời tiết khô hạn, thuận lợi cho sản xuất muối nên sản lượng muối làm ra nhiều, giá muối thấp, ảnh hưởng đến đời sống của người dân, sau khi nắm bắt tình hình sản xuất, tiêu thụ và cân đối cung cầu muối, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ về tình hình sản xuất, tiêu thụ và đề xuất mua tạm trữ muối niên vụ năm 2016 như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ MUỐI

Kết quả sản xuất và tiêu thụ muối 05 tháng đầu năm 2016:

1. Về diện tích

Diện tích sản xuất muối cả nước năm 2016 ước đạt 14.839 ha. Trong đó: Diện tích sản xuất muối thủ công đạt 10.446 ha; diện tích sản xuất muối công nghiệp đạt 4.313 ha.

2. Về sản lượng muối

Sản lượng muối 05 tháng đầu năm 2016 đạt khoảng 827.359 tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ 2015. Trong đó: muối sản xuất thủ công đạt 633.564 tấn; muối sản xuất công nghiệp đạt 193.795 tấn. Lượng muối tồn trong diêm dân và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến khoảng 828.892 tấn, tăng 66% so với cùng kỳ 2015 (lượng muối tồn trong diêm dân là 459.864 tấn). Trong đó: Miền Bắc tồn 16.250 tấn; Miền Trung tồn 363.399 tấn; đồng bằng sông Cửu Long tồn 449.243 tấn.

3. Về giá muối

Từ đầu năm đến nay giá muối có xu hướng giảm, nhất là tại khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cụ thể: Miền Bắc từ 900 – 2.500 đ/kg; Miền Trung: muối thủ công từ 250 – 650 đ/kg, muối công nghiệp từ 500 – 700 đ/kg; Nam Bộ từ 300 – 700 đ/kg.

Nguyên nhân: Đặc thù của sản xuất muối là sản xuất theo mùa vụ nên lượng muối tồn chờ tiêu thụ trong vụ sản xuất thường lớn; khu vực Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long lượng muối sản xuất tăng mạnh, việc tiêu thụ muối để ướp cá làm mắm gặp khó khăn do không có mùa nước nổi nên sản lượng thủy sản đánh bắt thấp.

(Chi tiết về diện tích, sản lượng, giá muối từng địa phương tại Bảng kèm theo)

II. VỀ CÂN ĐỐI CUNG CẦU MUỐI NĂM 2016

1. Tổng nguồn cung muối năm 2015 là 2.213.460 tấn, gồm: lượng muối luân chuyển từ năm 2014 sang: 436.590 tấn; sản xuất trong nước: 1.464.370 tấn; nhập khẩu: 312.500 tấn (Trong đó: 22.000 tấn NK trong HNTQ). Tổng nhu cầu muối năm 2015 là 1.612.500 tấn. Như vậy, lượng muối tồn luân chuyển gói vụ năm 2016 là 600.960 tấn.

2. Năm 2016, dự kiến sản lượng muối đạt 1,50 triệu tấn và dự kiến cân đối cung cầu muối năm 2016 như sau:

- Tổng nguồn cung muối năm 2016: 2.350.960 tấn, bao gồm:
- + Lượng muối luân chuyển từ năm 2015 sang: 600.960 tấn
- + Sản xuất trong nước: 1.500.000 tấn
- + Nhập khẩu: (trong và ngoài HNTQ) 250.000 tấn
- Tổng nhu cầu muối năm 2016: 1.800.000 tấn, bao gồm:
- + Cho ăn uống tiêu dùng hàng ngày: 470.000 tấn
(gồm muối và các gia vị mặn khác)
- + Phục vụ sản xuất công nghiệp hoá chất: 550.000 tấn
- + Bảo quản, chế biến hải sản: 200.000 tấn
- + Nhu cầu khác (thực phẩm, chăn nuôi...): 360.000 tấn
- + Hao hụt trong chế biến (20%), lưu thông: 180.000 tấn
- + Xuất khẩu: 40.000 tấn

- Như vậy, lượng muối luân chuyển gối vụ năm 2017 là 550.960 tấn.

3. Cân đối cung cầu muối 05 tháng đầu năm 2016:

Tổng nguồn cung muối 05 tháng đầu năm 2016 là 1.575.847 tấn, gồm: lượng muối luân chuyển từ năm 2015 sang: 600.960 tấn; sản xuất trong nước: 827.359 tấn; nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan khoảng: 147.528 tấn (muối công nghiệp 137.776 tấn). Tổng nhu cầu muối 05 tháng đầu năm 2016 khoảng 750.000 tấn. Như vậy, lượng muối tồn chờ tiêu thụ trong cả nước là 825.847 tấn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ tình hình sản xuất, cân đối cung cầu muối 05 tháng đầu năm và cả năm 2016, để kịp thời giải quyết các khó khăn cho các địa phương và người dân làm muối, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Thủ tướng Chính phủ một số nội dung như sau:

1. Về mua tạm trữ muối

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ Quyết định cho phép mua tạm trữ muối năm 2016, cụ thể:

- Số lượng mua muối tạm trữ: 200.000 tấn muối.
- Chủng loại muối: Muối do diêm dân sản xuất ra.
- Thời gian mua muối tạm trữ: Từ 01/6 đến 31/10/2016 (05 tháng).
- Phương thức mua muối tạm trữ:
- + Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên cơ sở nắm bắt tình hình sản xuất, tiêu thụ và lượng muối tồn trong cả nước phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các tỉnh, thành phố có sản xuất muối, ưu tiên mua tạm trữ muối tại địa phương có lượng tồn đọng muối lớn;
- + UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối xem xét, phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh muối trên cơ sở phương án mua tạm trữ của doanh nghiệp.
- Cơ chế:
- + Nhà nước cho vay vốn để mua muối tạm trữ và hỗ trợ 100% lãi suất vay tín dụng trong 06 tháng cho doanh nghiệp mua muối tạm trữ kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016; dự kiến kinh phí hỗ trợ lãi suất vay tín dụng trong 06 tháng tối đa khoảng 6,72 tỷ đồng (dự

kiến giá mua tạm trữ $800.000 \text{ đ/tấn} \times 200.000 \text{ tấn} \times 0,7\% \text{ tháng} \times 6 \text{ tháng} : 10^9 = 6,72 \text{ tỷ đồng}$).

+ Doanh nghiệp thực hiện mua muối tạm trữ theo cơ chế thị trường, tự chịu trách nhiệm về tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ các Bộ, ngành, địa phương:

2.1. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu mua tạm trữ muối theo đúng quy định;
- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối hướng dẫn, tổ chức mua tạm trữ muối;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Thủ tướng Chính phủ sau khi kết thúc mua tạm trữ.

2.2. Giao Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp mua muối tạm trữ;
- Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng để mua muối tạm trữ theo quy định.

2.3. Giao Ngân hàng Nhà nước:

Chỉ định, hướng dẫn một số ngân hàng thương mại thực hiện việc cho vay mua muối tạm trữ theo quy định.

2.4. Giao Bộ Công Thương:

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện mua tạm trữ muối; chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất hóa chất sử dụng muối trong nước sản xuất.

2.5. Giao UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối:

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng phương án mua tạm trữ muối cho diêm dân báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định;
- Tổ chức phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh muối trên địa bàn và hướng dẫn các doanh nghiệp việc tổ chức mua tạm trữ muối;
- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc mua tạm trữ muối tại địa phương. Hàng tuần (và đột xuất theo yêu cầu) báo cáo tình hình thu mua tạm trữ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP (để b/c);
- Bộ: Công Thương, Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW có SX muối;
- Lưu: VT, CB. (35 b)



Trần Thanh Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 920/SY-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 6 năm 2016

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo VP, K10;
- Lưu: VT (07b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ MUỐI ĐẾN THÁNG 5 NĂM 2016
 (Kèm theo Tờ trình số *4185* Tr-BNN-CB ngày *24* tháng *5* năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Địa phương	Diện tích (ha)			Sản lượng (tấn)			Giá bán (đ/kg)		Lượng muối chế biến (tấn)	Lượng tồn (tấn)	Bán ra (tấn)
		Tổng diện tích	Thủy công	Công nghiệp	Tổng Sản lượng	Thủy công	Công nghiệp	Thủy công	Công nghiệp			
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A -	Miền Bắc	1.976	1.976	0	18.050	18.050	0			13.150	16.250	6.900
1	Hải Phòng	100	100	0	1.050	1.050		2000- 2500			50	1.000
2	Nam Định	600	600	0	6.000	6.000		900		8.500	4.000	4.000
3	Thái Bình	60	60	0				1.400			0	
4	Thanh Hóa	238	238	0							4.000	
5	Nghệ An	793	793	0	11.000	11.000		1000-1200		1.600	5.000	1.000
6	Hà Tĩnh	110	110	0				1.600		3.050	3.200	900
7	Quảng bình	75	75	0							0	
B -	Miền Trung	6.030	1.637	4.313	339.485	145.690	193.795			46.365	363.399	159.368
8	Quảng Ngãi	135	135	0				650			2.000	500
9	Bình Định	203	203	0	2.845	2.845		450		3.454	4.132	3.116
10	Phú Yên	181	181	0	870	870		450-500			840	30
11	Khánh Hòa	973	336	637	23.478	6.000	17.478	350-500	700	460	31.375	3.642
12	Ninh Thuận	3.544	652	2.892	250.508	120.865	129.643	250 -400	500-700	22.944	233.000	87.265
13	Bình Thuận	995	131	784	61.784	15.110	46.674	300	500 -550	19.507	92.052	64.815
C -	Nam Bộ	6.833	6.833	0	469.824	469.824	0			3.457	449.243	73.901
14	TP. Hồ Chí Minh	1.635	1.635	0	125.539	125.539		mv: 300, mb: 350			105.489	30.050
15	Bà Rịa- Vũng Tàu	799	799	0	76.062	76.062	0	300 Ms:500		2.770	87.390	21.840
16	Trà Vinh	135	135	0	2.162	2.162		470			1.370	942
17	Bến Tre	1.621	1.621	0	102.682	102.682		220-290		687	84.715	17.969
18	Bạc Liêu	2.384	2.384	0	145.369	145.369		md: 250 -300 ; mt:400-500; Mb: 700			155.369	0
19	Sóc Trăng	80	80	0	6.710	6.710		500-600			3.610	3.100
20	Cà Mau	180	180	0	11.300	11.300		600 - 670			11.300	
	Tổng cộng	14.839	10.446	4.313	827.359	633.564	193.795			62.972	828.892	240.169

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
Về mua tạm trữ muối niên vụ 2016

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số /TTr-BNN-CB ngày tháng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu mua muối niên vụ 2016:

1. Số lượng mua tạm trữ: 200.000 tấn muối.
2. Chung loại muối: Muối do diêm dân sản xuất ra.
3. Thời gian mua muối tạm trữ: Từ 01/6 đến 31/10/2016 (05 tháng).

Điều 2. Chính sách mua tạm trữ muối niên vụ 2016:

1. Thời gian Ngân hàng cho vay vốn để mua tạm trữ muối trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay mua muối tạm trữ với thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa là 06 tháng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.
3. Các doanh nghiệp thực hiện mua muối tạm trữ theo cơ chế thị trường, tự chịu trách nhiệm về tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh.

Điều 3. Phân bổ chỉ tiêu mua muối tạm trữ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trên cơ sở nắm bắt tình hình sản xuất, tiêu thụ và lượng muối tồn trong cả nước phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các tỉnh, thành phố có sản xuất muối, ưu tiên mua tạm trữ muối tại địa phương có lượng tồn đọng muối lớn.

2. UBND các tỉnh, thành phố có sản xuất muối xem xét, phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh muối trên cơ sở phương án mua tạm trữ của doanh nghiệp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu mua tạm trữ muối theo đúng quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối hướng dẫn, tổ chức mua tạm trữ muối; tổng hợp, báo cáo kết quả gửi Thủ tướng Chính phủ sau khi kết thúc mua tạm trữ.

2. Bộ Tài chính: chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể việc thực hiện hỗ trợ 100% lãi suất theo quy định tại Quyết định này; bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ 100 % lãi suất mua tạm trữ muối nêu trên.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: chỉ định, hướng dẫn một số ngân hàng thương mại thực hiện việc cho vay mua muối tạm trữ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

4. Bộ Công Thương: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối kiểm tra, giám sát việc thực hiện mua muối tạm trữ; chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất hóa chất sử dụng muối trong nước sản xuất.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối: Chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn xây dựng phương án mua tạm trữ muối cho diêm dân; tổ chức phân giao chỉ tiêu mua tạm trữ muối cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh muối trên địa bàn; hướng dẫn việc tổ chức mua tạm trữ muối; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc mua tạm trữ muối tại địa phương; hàng tuần (và đột xuất theo yêu cầu) báo cáo tình hình thu mua tạm trữ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Tài Chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối và các doanh nghiệp được giao thực hiện mua muối tạm trữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương;
- Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW có SX muối;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc